

Số: 3043/VĐ-TTĐT&CDT

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ BỔ SUNG

**Về việc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo – Bộ Y tế.

Tên cơ sở công bố : Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.
Giấy phép hoạt động số : 204/BYT-GPHĐ ngày 05/7/2017.
Địa chỉ : 40 Tràng Thi – Hoàn Kiếm – Hà Nội.
Chịu trách nhiệm chuyên môn : TS. Dương Đức Hùng.
Điện thoại liên hệ : 024.38253531
Email : congthongtindientubvvd@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức được Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế công nhận là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng được yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe ngày 15/9/2018.

Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức bổ sung các trình độ đào tạo và ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành sau:

1. Các ngành/chuyên ngành và trình độ đào tạo thực hành đã công bố:

- Chuyên ngành Ngoại khoa: Trình độ Chuyên khoa cấp II, trình độ Chuyên khoa cấp I, trình độ Bác sĩ nội trú, trình độ Thạc sĩ, trình độ Đại học;
- Chuyên ngành Ngoại nhi: Trình độ Chuyên khoa cấp II;
- Chuyên ngành Gây mê Hồi sức: Trình độ Chuyên khoa cấp II, trình độ Thạc sĩ, trình độ Chuyên khoa cấp I, trình độ Bác sĩ nội trú, trình độ Đại học;
- Chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh và Y học hạt nhân: Trình độ Chuyên khoa cấp II, trình độ Thạc sĩ, trình độ Chuyên khoa cấp I, trình độ Bác sĩ nội trú;
- Chuyên ngành Điều dưỡng: Trình độ Thạc sĩ, trình độ Chuyên khoa cấp I, trình độ Đại học, trình độ Cao đẳng;
- Chuyên ngành Kỹ thuật hình ảnh y học: Trình độ Đại học, trình độ Cao đẳng;
- Chuyên ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học: Trình độ Đại học, trình độ Cao đẳng;

- Chuyên ngành Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu: Trình độ Chuyên khoa cấp I, trình độ Thạc sĩ, trình độ Bác sĩ nội trú, trình độ Đại học;
 - Chuyên ngành Răng – Hàm – Mặt: Trình độ Thạc sĩ, trình độ Bác sĩ nội trú, trình độ Đại học;
 - Chuyên ngành Thần kinh: Trình độ Chuyên khoa cấp I, trình độ Thạc sĩ, trình độ Bác sĩ nội trú;
 - Chuyên ngành Y pháp: Trình độ Chuyên khoa cấp I, trình độ Thạc sĩ, trình độ Bác sĩ nội trú, trình độ Đại học;
 - Chuyên ngành Xét nghiệm Y học: Trình độ Thạc sĩ;
 - Chuyên ngành Y học dự phòng: Trình độ Đại học;
 - Chuyên ngành Dinh dưỡng: Trình độ Bác sĩ nội trú, trình độ Đại học;
 - Chuyên ngành Nội khoa: Trình độ Đại học;
 - Chuyên ngành Giải phẫu bệnh: Trình độ Chuyên khoa cấp I, trình độ Thạc sĩ, trình độ Bác sĩ nội trú;
 - Ngành Dược: Trình độ Đại học;
 - Chuyên ngành Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ: Trình độ Chuyên khoa cấp I, trình độ Bác sĩ nội trú;
- 2. Các ngành/chuyên ngành và trình độ đào tạo thực hành cập nhật, bổ sung (Phụ lục 1, Phụ lục 2):**

- Chuyên ngành Ngoại khoa: Trình độ Tiến sĩ;
- Chuyên ngành Răng – Hàm – Mặt: Trình độ Chuyên khoa cấp I.

Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cập nhật công bố. Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin bổ sung theo quy định./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TTĐT&CDT

GIÁM ĐỐC



Dương Đức Hùng

Phụ lục 1
THÔNG TIN VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN (TẠI MỘT THỜI ĐIỂM)

(Kèm theo Công văn số 3043 /VĐ-TTĐT&CDT ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức)

I. ĐÀO TẠO TIỀN SĨ

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu	Số lượng DT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng đào tạo tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	9720104	Tiến sĩ	Ngoại khoa	Ngoại lồng ngực	Khám lồng ngực, hô hấp, tim mạch	Khoa Ngoại Tim mạch và Lồng ngực	2	2	10	5	15	0	15
					Chẩn đoán và thái độ xử trí tràn khí, tràn máu khoang màng phổi								
					Chẩn đoán và thái độ xử trí vết thương ngực hở								
					Chẩn đoán và thái độ xử trí vết thương tim								
					Chẩn đoán và thái độ xử trí mảng sườn di động								
					Khám, làm bệnh án, phụ mổ bệnh lồng xương ức								
					Mở ngực trước, trước bên								
					Mở ngực đường bên								
					Mở ngực đường sau								
					Dẫn lưu dịch khoang màng phổi								
Dẫn lưu khí khoang màng phổi													
Khám , làm bệnh án, phụ mổ ổ cận khoang màng phổi													

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phân/Tín chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu	Số lượng DT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng đào tạo tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Khám , làm bệnh án, phụ mổ máu cục khoang màng phổi								
					Khám, làm bệnh án, phụ mổ nội soi cắt thủy phổi								
					Khám, làm bệnh án, phụ mổ nội soi cắt kén khí phổi								
					Khám, làm bệnh án, phụ mổ khối u trung thất								
					Khám, chẩn đoán, phụ mổ khâu cơ hoành								
					Khám và chẩn đoán u não								
			Ngoại thần kinh		Chẩn đoán, phụ mổ u não	Trung tâm Phẫu thuật thần kinh	5	5	25	7	21	0	21
					Khám và chẩn đoán CTSN								
					Chẩn đoán và phụ mổ CTSN								
					Chẩn đoán và phụ mổ VTSN								
					Khám và chẩn đoán u tủy								
					Chẩn đoán và phụ mổ u tủy								
					Phụ mổ Dị dạng AVM								
					Phụ mổ Phình mạch não								
					Chẩn đoán và phụ mổ não ung thư								
					Chẩn đoán và phụ mổ u tuyến yên								

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng đào tạo tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Ngoại tiết niệu	Sỏi hệ tiết niệu	Khoa Phẫu thuật Tiết niệu	2	2	10	4	12	0	10
					Các biến chứng của sỏi niệu quản								
					Chấn thương thận								
					U phì đại tuyến tiền liệt								
					Ung thư bàng quang								
					Ung thư thận								
					Ung thư tuyến tiền liệt								
					Chấn thương niệu đạo trước								
					Biến chứng hệ tiết niệu sau chấn thương khung chậu								
					Hẹp niệu đạo do chấn thương								
				Ngoại nhi	Khám và chẩn đoán một số bệnh lý vùng bẹn bìu	Phẫu thuật Nhi và Trẻ sơ sinh	2	2	10	4	12	0	10
					Chẩn đoán, phụ mổ trẻ có tật hậu môn- trực tràng								
					Tiếp cận chẩn đoán, phụ mổ trẻ bị viêm ruột thừa								
					Thực hành tháo lồng bằng hơi								
					Tiếp cận chẩn đoán, phụ mổ trẻ tắc ruột sơ sinh								

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng đào tạo tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Tiếp cận, phụ mổ trẻ có bệnh lý đường mật (nang ống mật chủ, teo đường mật) Khám và chẩn đoán trẻ có dị tật đường tiết niệu, sinh dục (Hẹp khúc nối bể thận niệu quản, lỗ tiểu thấp, thận niệu quản đôi) Phụ mổ trẻ có bệnh lý lỗ tiểu thấp Tiếp cận chẩn đoán các khối u gan ở trẻ em Tiếp cận chẩn đoán u nguyên bào thận ở trẻ em Khám, làm bệnh án, phụ mổ trẻ có bệnh lý teo thực quản Phụ mổ dẫn lưu não thất ổ bụng ở trẻ não úng thủy Tiếp cận và xử trí ban đầu trẻ chấn thương sọ não Xử trí trẻ bị trật khớp hang bẩm sinh Sơ cứu và điều trị các gãy xương ở trẻ em								
				Ngoại nhi									

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng đào tạo tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Hội sức ngoại khoa	Truyền máu và tai biến truyền máu	Trung tâm Gây mê và Hồi sức ngoại khoa	3	3	15	5	15	0	15
					Giảm đau sau phẫu thuật								
					Tăng cường hồi phục sau phẫu thuật (ERAS)								
					Cấp cứu ngừng tuần hoàn								
					Sốc nhiễm trùng								
					Nuôi dưỡng bệnh nhân sau phẫu thuật								
					Sốc giảm khối lượng tuần hoàn								
					Sốc giảm khối lượng tuần hoàn								
					Phẫu thuật nội soi lồng ngực								
					Phẫu thuật nội soi khớp								
			Phẫu thuật nội soi nâng cao	Phẫu thuật nội soi cột sống	Phẫu thuật nội soi cột sống	Viện Chấn thương chỉnh hình, khoa Phẫu thuật Cột sống, Phẫu thuật Cấp cứu bụng, Phẫu thuật tiêu hóa, Phẫu thuật Gan mật	7	7	35	12	36	0	35
					Phẫu thuật nội soi tiêu hóa								
					Phẫu thuật nội soi ổ bụng trẻ em								
					Nội soi trong phẫu thuật thần kinh								
					Phẫu thuật nội soi nội tiết								

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng đào tạo tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
					Phẫu thuật nội soi tiết niệu								

II. ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP I

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng đào tạo tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	CK 607228	Chuyên khoa cấp 1	Răng hàm mặt	Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Chấn thương phần mềm hàm mặt Chấn thương xương hàm mặt U và nang xương hàm do răng U và nang xương hàm không do răng Viêm nhiễm toả lan vùng hàm mặt Áp – xe định khu vùng hàm mặt	Phẫu thuật Hàm mặt Tạo hình và Thẩm mỹ	5	5	25	8	24	0	24

Stt	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu	Số lượng ĐT tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu thực hành	Số lượng đào tạo tối đa theo giường	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt nâng cao	Ung thư vùng hàm mặt Phẫu thuật chỉnh hình xương Bệnh lý khớp thái dương hàm Đau thần kinh V Bệnh lý tuyến nước bọt								
	CK 607228	Chuyên khoa cấp 1	Răng hàm mặt	Phẫu thuật tạo hình hàm mặt	- Khe hở môi và vòm miệng bẩm sinh - Khe hở mặt hiểm - Dị tật hộp sọ - Dị tật tai bẩm sinh - Phẫu thuật tạo hình các khuyết hồng xương hàm trên - Phẫu thuật tạo hình các khuyết hồng xương hàm dưới - Phẫu thuật thay khớp thái dương hàm	Phẫu thuật Hàm mặt Tạo hình và Thẩm mỹ							

Phụ lục 2
DANH SÁCH GIÁNG VIÊN/KHOA/GIỜỜỜỜ/TRANNG THIẾT BỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIÁNG DẠY THỰC HÀNH
 (Kèm theo Công văn số 3043 /VĐ-TTĐT&CĐT ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức)

I. ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGOẠI KHOA

TT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học/phần/Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành
1.	Dương Đức Hùng	Tiến sĩ	Ngoại Tim mạch	0012627/BYT -CCHN	Phẫu thuật Tim mạch, Lồng ngực	32	Ngoại lồng ngực	Mỡ ngực trước, trước bên	Ngoại Tim mạch và Lồng ngực
								Mỡ ngực đường bên	
								Mỡ ngực đường sau	
								Chẩn đoán và thái độ xử trí vết thương ngực hở	
								Chẩn đoán và thái độ xử trí vết thương tim	
								Chẩn đoán và thái độ xử trí mảng sườn di động	
								Khám, làm bệnh án, phụ mổ bệnh lồng xương ức	
								Khám, làm bệnh án, phụ mổ khối u trung thất	
								Khám, chẩn đoán, phụ mổ khâu cơ hoành	
							Phẫu thuật nội soi nâng cao	Phẫu thuật nội soi lồng ngực	

2.	Phùng Duy Hồng sơn	PGS Tiến sĩ	Ngoại Tim mạch	0027219/BYT -CCHN	Phẫu thuật Tim mạch, lồng ngực	17	Ngoại lồng ngực	Khám lồng ngực, hô hấp, tim mạch Chẩn đoán và thái độ xử trí tràn khí, tràn máu khoang màng phổi Dẫn lưu dịch khoang màng phổi Dẫn lưu khí khoang màng phổi Khám, làm bệnh án, phụ mổ ổ cận khoang màng phổi Khám, làm bệnh án, phụ mổ máu cục khoang màng phổi Khám, làm bệnh án, phụ mổ nội soi cắt thùy phổi Khám, làm bệnh án, phụ mổ nội soi cắt kén khí phổi	Ngoại Tim mạch và Lồng ngực
3.	Đồng Văn Hệ	PGS Tiến sĩ	Ngoại thần kinh	0006499/BYT -CCHN	Phẫu thuật Thần kinh	31	Ngoại thần kinh	Khám và chẩn đoán u não Chẩn đoán, phụ mổ u não Phụ mổ Dị dạng AVM Phụ mổ Phình mạch não Nội soi trong phẫu thuật thần kinh	Trung tâm Phẫu thuật Thần kinh
4.	Nguyễn Thanh Xuân	Tiến sĩ	Ngoại thần kinh	0008845/BYT -CCHN	Phẫu thuật Thần kinh	19	Ngoại thần kinh	Khám và chẩn đoán Chấn thương sọ não Chẩn đoán và phụ mổ Chấn thương sọ não	Trung tâm Phẫu thuật Thần kinh
5.	Bùi Huy Mạnh	Tiến sĩ	Ngoại thần kinh	0008821/BYT -CCHN	Phẫu thuật Thần kinh	19	Ngoại thần kinh	Chẩn đoán và phụ mổ VTSN	Trung tâm Phẫu thuật Thần kinh
6.	Ngô Mạnh Hùng	PGS Tiến sĩ	Ngoại thần kinh	0008813/BYT -CCHN	Phẫu thuật Thần kinh	22	Ngoại thần kinh	Khám và chẩn đoán u tủy Chẩn đoán và phụ mổ u tủy	Trung tâm Phẫu thuật Thần kinh

7.	Nguyễn Duy Tuyền	Tiến sĩ	Ngoại thần kinh	0008843/BYT -CCHN	Phẫu thuật Thần kinh	22	Ngoại thần kinh	Chẩn đoán và phụ mổ não ung thủy	Trung tâm Phẫu thuật Thần kinh
								Chẩn đoán và phụ mổ u tuyến yên	
8.	Đỗ Ngọc Sơn	Tiến sĩ	Ngoại Tiết niệu	0006996/BYT -CCHN	Phẫu thuật Tiết niệu	22	Ngoại tiết niệu	Sỏi hệ tiết niệu	Phẫu thuật Tiết niệu
								Các biến chứng của sỏi niệu quản	
								Chấn thương thận	
								U phì đại tuyến tiền liệt	
								Ung thư bàng quang	
								Phẫu thuật nội soi nội tiết niệu	
9.	Nguyễn Đức Minh	Tiến sĩ	Ngoại Tiết niệu	0006991/BYT -CCHN	Phẫu thuật Tiết niệu	21	Ngoại tiết niệu	Ung thư tuyến tiền liệt	Phẫu thuật Tiết niệu
								Chấn thương niệu đạo trước	
								Biến chứng hệ tiết niệu sau chấn thương khung chậu	
								Hẹp niệu đạo do chấn thương	
								Ung thư thận	

10.	Nguyễn Việt Hoa	PGS Tiến sĩ	Ngoại Nhi	0006870/BYT -CCHN	Phẫu thuật Nhi và Trẻ sơ sinh	29	Ngoại nhi	Khám và chẩn đoán trẻ có dị tật đường tiết niệu, sinh dục (Hẹp khức nối bể thận niệu quản, lỗ tiểu thấp, thận niệu quản đôi)	Phẫu thuật Nhi và Trẻ sơ sinh
								Phụ mổ trẻ có bệnh lý lỗ tiểu thấp	
								Tiếp cận chẩn đoán các khối u gan ở trẻ em	
								Tiếp cận chẩn đoán u nguyên bào thận ở trẻ em	
								Khám, làm bệnh án, phụ mổ trẻ có bệnh lý teo thực quản	
								Phụ mổ dẫn lưu não thất ở bụng ở trẻ não úng thủy	
								Tiếp cận và xử trí ban đầu trẻ chấn thương sọ não	
								Xử trí trẻ bị trật khớp háng bẩm sinh	
								Sơ cứu và điều trị các gãy xương ở trẻ em	
								Phẫu thuật nội soi ổ bụng trẻ em	
11.	Hồng Quý Quân	Tiến sĩ	Ngoại Nhi	0006875/BYT -CCHN	Phẫu thuật Nhi và Trẻ sơ sinh	15	Ngoại nhi	Khám và chẩn đoán một số bệnh lý vùng bẹn bẹn	Phẫu thuật Nhi và Trẻ sơ sinh
								Chẩn đoán, phụ mổ trẻ có dị tật hậu môn- trực tràng	
								Tiếp cận chẩn đoán, phụ mổ trẻ bị viêm ruột thừa	
								Thực hành tháo lồng bằng hơi	
								Tiếp cận chẩn đoán, phụ mổ trẻ tắc ruột sơ sinh	
								Tiếp cận, phụ mổ trẻ có bệnh lý đường mật (nang ống mật chủ, teo đường mật)	

12.	Lưu Quang Thuỳ	PGS Tiến sĩ	Gây mê hồi sức	0009139/BYT -CCHN	Gây mê hồi sức	20	Hồi sức ngoại khoa	Tăng cường hồi phục sau phẫu thuật (ERAS) Cấp cứu ngừng tuần hoàn Sốc nhiễm trùng Nuôi dưỡng bệnh nhân sau phẫu thuật	Trung tâm Gây mê và Hồi sức ngoại khoa
13.	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Tiến sĩ	Gây mê hồi sức	0006727/BYT -CCHN	Gây mê hồi sức	21	Hồi sức ngoại khoa	Sốc giảm khối lượng tuần hoàn Sốc giảm khối lượng tuần hoàn	Trung tâm Gây mê và Hồi sức ngoại khoa
14.	Đào Thị Kim Dung	Tiến sĩ	Gây mê hồi sức	0006661/BYT -CCHN	Gây mê hồi sức	23	Hồi sức ngoại khoa	Truyền máu và tai biến truyền máu Giảm đau sau phẫu thuật	Trung tâm Gây mê và Hồi sức ngoại khoa
15.	Nguyễn Mạnh Khánh	PGS Tiến sĩ	Chấn thương chỉnh hình	0009203/BYT -CCHN	Phẫu thuật Chấn thương chỉnh hình	23	Phẫu thuật nội sôi nâng cao	Phẫu thuật nội soi khớp	Viện Chấn thương chỉnh hình
16.	Nguyễn Hoàng Long	Tiến sĩ	Ngoại cột sống	0009267/BYT -CCHN	Phẫu thuật Cột sống	20	Phẫu thuật nội sôi nâng cao	Phẫu thuật nội soi cột sống	Khoa Phẫu thuật Cột sống
17.	Nguyễn Hải Nam	Tiến sĩ	Ngoại Tiêu hóa, Gan mật	0008941/BYT -CCHN	Phẫu thuật Tiêu hóa, gan mật	27	Phẫu thuật nội sôi nâng cao	Phẫu thuật nội soi tiêu hóa	Phẫu thuật Gan mật
18.	Dương Trọng Hiền	Tiến sĩ	Ngoại Tiêu hóa	0006912/BYT -CCHN	Phẫu thuật Tiêu hóa	27	Phẫu thuật nội sôi nâng cao	Phẫu thuật nội soi tiêu hóa Phẫu thuật nội soi nội tiết	Phẫu thuật Cấp cứu bụng
19.	Lê Việt Khánh	Tiến sĩ	Ngoại Tiêu hóa	0006503/BYT -CCHN	Phẫu thuật Tiêu hóa	26	Phẫu thuật nội sôi nâng cao	Phẫu thuật nội soi tiêu hóa Phẫu thuật nội soi nội tiết	Phẫu thuật Cấp cứu bụng
20.	Phạm Hoàng Hà	PGS Tiến sĩ	Ngoại Tiêu hóa	0006910/BYT -CCHN	Phẫu thuật Tiêu hóa	23	Phẫu thuật nội sôi nâng cao	Phẫu thuật nội soi tiêu hóa	Phẫu thuật Tiêu hóa
21.	Nguyễn Xuân Hòa	Tiến sĩ	Ngoại Tiêu hóa	0006891/BYT -CCHN	Phẫu thuật Tiêu hóa	15	Phẫu thuật nội sôi nâng cao	Phẫu thuật nội soi tiêu hóa	Phẫu thuật Tiêu hóa

II. ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA CẤP I RĂNG HÀM MẶT

Sтт	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Ngành/chuyên ngành đang hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học/phần/Tin chỉ trong chương trình thực hành	Nội dung môn học	Khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Xuân Thạch	Thạc sĩ	Phẫu thuật Tạo hình, thẩm mỹ	0009303/BYT -CCHN	Phẫu thuật Tạo hình, thẩm mỹ	13	Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt Phẫu thuật tạo hình hàm mặt	Chấn thương phần mềm hàm mặt Chấn thương xương hàm mặt U và nang xương hàm do răng Khe hở môi và vòm miệng bẩm sinh Phẫu thuật tạo hình các khuyết hổng xương hàm trên	Khoa Phẫu thuật Hàm mặt – Tạo hình – Thẩm mỹ
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	Tiến sĩ	Phẫu thuật Tạo hình, thẩm mỹ	0009289/BYT -CCHN	Phẫu thuật Tạo hình, thẩm mỹ	17	Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt nâng cao	U và nang xương hàm không do răng Viêm nhiễm toả lan vùng hàm mặt Áp – xe định khu vùng hàm mặt Ung thư vùng hàm mặt Đau thần kinh V	Khoa Phẫu thuật Hàm mặt – Tạo hình – Thẩm mỹ
3	Nguyễn Thị Hương Giang	Thạc sĩ	Phẫu thuật Tạo hình, thẩm mỹ	028420/BYT -CCHN	Phẫu thuật Tạo hình, thẩm mỹ	13	Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt nâng cao Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Phẫu thuật chỉnh hình xương Bệnh lý khớp thái dương hàm Bệnh lý tuyến nước bọt Viêm nhiễm toả lan vùng hàm mặt Áp – xe định khu vùng hàm mặt	Khoa Phẫu thuật Hàm mặt – Tạo hình – Thẩm mỹ

4	Ngô Hải Sơn	Thạc sĩ	Phẫu thuật Tạo hình, thẩm mỹ	040191/BYT -CCHN	Phẫu thuật Tạo hình, thẩm mỹ	11	Phẫu thuật tạo hình hàm mặt	Khe hở môi và vòm miệng bẩm sinh	Khoa Phẫu thuật Hàm mặt – Tạo hình – Thẩm mỹ
							Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Phẫu thuật tạo hình các khuyết hồng xương hàm dưới	
								Chấn thương phần mềm hàm mặt	
								Chấn thương xương hàm mặt	
5	Bùi Mai Anh	Tiến sĩ	Phẫu thuật Tạo hình, thẩm mỹ	0014593/BYT -CCHN	Phẫu thuật Tạo hình, thẩm mỹ	20	Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Chấn thương xương hàm mặt	Khoa Phẫu thuật Hàm mặt – Tạo hình – Thẩm mỹ
								U và nang xương hàm do răng	
							Phẫu thuật tạo hình hàm mặt	Phẫu thuật thay khớp thái duương hàm	
								Dị tật hộp sọ	
								Dị tật tai bẩm sinh	
								Khe hở mặt hiểm	

PHỤ LỤC 3

DANH SÁCH TRANG THIẾT BỊ KHOA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIÁNG DẠY THỰC HÀNH (DƯA VÀO CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH)

(Kèm theo Công văn số 3043/VD-TTĐT&CĐT ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Hệ thống giảng đường	Phòng	11	
2.	Máy tính, máy chiếu, bàn ghế, đồ dùng văn phòng...	Bộ	11	
3.	Kính vi phẫu	Cái	02	
4.	Dàn máy nội soi	Cái	06	
5.	Hệ thống mô phỏng Phẫu thuật nội soi khớp	Bộ	01	
6.	Phòng tiểu phẫu đạt chuẩn	Phòng	06	
7.	Hệ thống phòng Tiễn lâm sàng	Phòng	01	
8.	Hệ thống phòng mổ thực nghiệm	Phòng	01	
9.	Phòng mổ	Phòng	11	
10.				